TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2025
Về việc Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Cao Sơn; ông Nguyễn Sỹ Hùng
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Văn Duy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm, Kiểm sát viên.
Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 59/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05/8/2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông S, W-T, sinh năm 1970; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); Hộ chiếu số 365081966 do Bộ N (Đài Loan) cấp ngày 01/03/2024; Địa chỉ: Số A, ngách B, ngõ C, phố T, tổ A, phường C, thành phố C, Đài Loan (Trung Quốc) (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bị đơn: Chị Hồ Thảo H, sinh năm 2002; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; Đang lao động tự do tại Mỹ (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Những người tham gia tố tụng khác: (người được ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ):

1. Bà Bùi Thị H1, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Xóm M, xã M, tỉnh Nghệ An. (nhận uỷ quyền của ông S, W-T); vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1973; Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. (nhận uỷ quyền của bà Hồ Thảo H); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn cũng như các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông S, W-Te trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông S, W-Te kết hôn với chị Hồ Thảo H ngày 20/10/2023 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống xa nhau lâu ngày, nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn, sau khi cân nhắc kỹ, quyết định ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, không có nợ chung.

Vì điều kiện phải về Đài Loan nên ông S, W-Te xin vắng mặt các buổi công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa và ủy quyền cho bà Bùi Thị H1 giao nhận chứng cứ, các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo lại cho ông.

Nguyên đơn giao nộp cho Tòa án các tài liệu: Đơn xin ly hôn (kèm theo tài liệu hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch); Bản sao hộ khẩu nguyên đơn (kèm theo tài liệu hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch); Căn cước và hộ chiếu nguyên đơn bản sao (Kèm bản dịch); Đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn (Kèm bản dịch); Bản tự khai của nguyên đơn (Kèm bản dịch); Giấy ủy quyền giao nhận tài liệu; Giấy chứng nhận kết hôn; Căn cước công dân bà Bùi Thị H1 (bản sao).

Bị đơn chị Hồ Thảo H đang lao động tự do ở Mỹ, nơi ở chưa ổn định nên không có điều kiện về Việt Nam có mặt để làm việc với Tòa án. Chị H đã thông qua gia đình gửi các tài liệu về cho Tòa án và tại buổi làm việc trực tuyến ngày 28/8/2025, tại nhà bà Nguyễn Thị T, mẹ đẻ của chị H, với sự chứng kiến của chính quyền địa phương, chị Hồ Thảo H trình bày:

Chị Hồ Thảo H và ông S, Wen Te đăng ký kết hôn ngày 20/10/2023 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn ông S, Wen T1 về Đài Loan, chị H ở Việt Nam, không chung sống với nhau, cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, ngày càng khác biệt về suy nghĩ và lối sống, không quan tâm đến nhau, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, không có nợ chung.

Về nội dung các yêu cầu khởi kiện của ông S, W, Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản thông báo làm việc của Tòa án, thông qua gia đình, chị H đã nhận được đầy đủ. Hiện tại, do đang làm việc ở nước ngoài nên chị H không thể về tham gia giải quyết vụ việc tại Tòa án được. Chị H xin được vắng mặt trong cả quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T trực tiếp giao nhận các văn bản, tài liệu của Tòa án và thông báo lại cho chị.

Phía bị đơn giao nộp cho Tòa án các tài liệu: Xác nhận thông tin cư trú của bị đơn; Căn cước công dân bị đơn bản sao chứng thực; Bản tự khai của chị Hồ Thảo H; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị Hồ Thảo H; Căn cước công dân bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Văn H2 (bản sao); Giấy đồng ý nhận ủy quyền của bà Nguyễn Thị T.

Tòa án đã tiến hành thu thập được các tài liệu: Công văn số 1077/QLXNC-Đ1 ngày 11/8/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H xác nhận chị H3 Thảo Huyền lần xuất cảnh gần nhất là vào ngày 09/8/2024 và chưa có thông tin nhập cảnh về nước; Kết luận giám định số 1028/KL-KTHS ngày 04/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận chữ ký đề tên Hồ Thảo H trên Bản tự khai và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt so với chữ ký Hồ Thảo H trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký ra; Biên bản xác minh ngày 28/8/2025 tại nhà bà Nguyễn Thị T.

Hai bên đương sự đã được tiếp nhận đầy đủ các tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông S, Wen T1 và chị Hồ Thảo H; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Tĩnh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông S, Wen T1, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Bị đơn chị Hồ Thảo H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C, tỉnh Hà Tĩnh, tại thời điểm thụ lý vụ án, chị H đang lao động tự do tại Mỹ, lần xuất cảnh gần nhất là vào ngày 09/8/2024 và chưa có thông tin nhập cảnh về nước theo Công văn số 1077/QLXNC-Đ1 ngày 11/8/2025 của Phòng Q Công an tỉnh H. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về giải quyết vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài, bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

[1.3] Do điều kiện công việc và đang ở nước ngoài, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã trình bày đầy đủ quan điểm đối với việc giải quyết vụ án. Đồng thời nguyên đơn ủy quyền việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bà Bùi Thị H1; bị đơn ủy quyền việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ của bị đơn). Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1

Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông S, W-Te kết hôn với chị Hồ Thảo H, đăng ký kết hôn ngày 20/10/2023 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông S, Wen T1 về Đài Loan, chị Hồ Thảo H ở Việt Nam, không chung sống với nhau, vợ chồng sống xa nhau lâu ngày, nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, không quan tâm chăm sóc đến nhau. Đối với yêu cầu ly hôn của ông S, Wen T1, chị Hồ Thảo H cũng thống nhất.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông S, W, chị Hồ Thảo H thông qua bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ chị H). Tại Biên bản xác minh ngày 28/8/2025, bà T trình bày: sau khi kết hôn ông S, Wen T1 về Đài Loan, chị H ở Việt Nam, không chung sống với nhau, hiện nay chị H lao động tự do tại Mỹ, không có địa chỉ cụ thể nhưng thường xuyên liên lạc về cho gia đình và đã biết việc ông S, Wen T1 nộp đơn ly hôn chị. Gia đình đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H. Chị H thông qua gia đình gửi văn bản đồng ý ly hôn và xin được giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định các tài liệu do gia đình chị H cung cấp và xác định đúng chữ ký của chị H.

Xét thấy, sự đồng thuận thống nhất ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; cuộc hôn nhân giữa ông S, Wen T1 chị Hồ Thảo H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận giải quyết cho ông S, Wen T1 và chị Hồ Thảo H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Các đương sự không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí*: Các đương sự thuận tình ly hôn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm

phán TAND tối cao quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, 479, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về hôn nhân*:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông S, Wen T1 và chị Hồ Thảo H.

2. Về con chung: Ông S, Wen T1 và chị Hồ Thảo H không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông S, Wen T1 phải nộp 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000050 ngày 05/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh; ông S, Wen T1 được trả lại 225.000 đồng. Chị Hồ Thảo H phải nộp 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 1 - Hà Tĩnh;
- THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Xuyên;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Đào